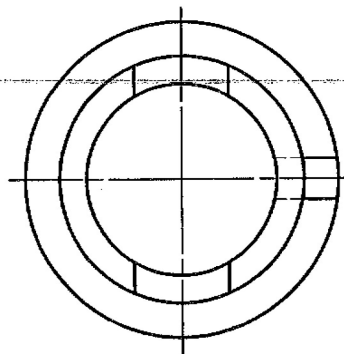
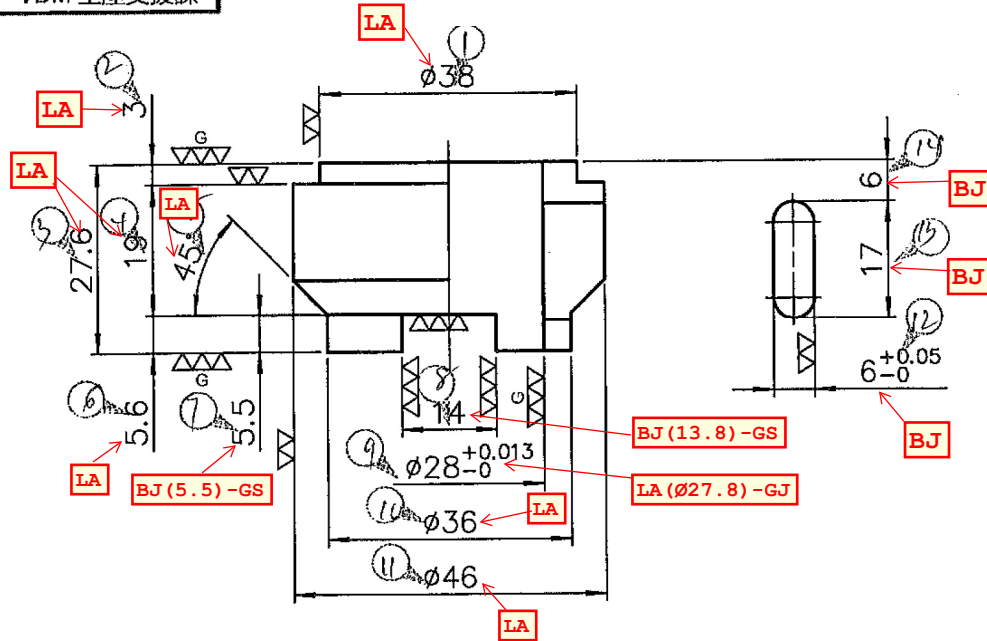


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	OWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
Init.	2016/08/09					$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1 $6 < \leq 30$ ± 0.2 $30 < \leq 120$ ± 0.3 $120 < \leq 400$ ± 0.5
△						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k
△						FINISH MARKS
△						

出図
製作・検収用図面
検収完了後要廃棄
2023-06-20
VDM 生産支援課



DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
CHEN_YING_FUH	Ho_Shou_Hsuan	部品図	リング (輪)
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	RING
HRC 60°~64°	①	部品図	環
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD	2016/08/09	1:1	R071424

φ50 × 33

SNO: **R071424**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø50*33	LA:60 BJ:30 HT:40 GS:30 GJ:60 AF:10 KT